

VẬN DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC TRONG ĐÀO TẠO SINH VIÊN SỰ PHẠM TIẾNG TRUNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP NGOẠI NGỮ

APPLYING THE FLIPPED CLASSROOM MODEL IN TRAINING CHINESE LANGUAGE TEACHER STUDENTS TO DEVELOP FOREIGN LANGUAGE COMMUNICATION SKILLS

Nguyễn Thị Huyền Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 02/6/2026; Accepted: 12/6/2026; Published: 22/6/2026

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu việc vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong đào tạo sinh viên sư phạm tiếng Trung theo hướng phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ. Trên cơ sở phân tích các quan điểm về năng lực giao tiếp ngoại ngữ và đặc điểm của mô hình lớp học đảo ngược, nghiên cứu xác định bốn thành tố của năng lực giao tiếp ngoại ngữ gồm: ngôn ngữ, diễn ngôn, bối cảnh xã hội và chiến lược giao tiếp. Từ đó, bài báo đề xuất bốn biện pháp và quy trình năm bước được triển khai qua ba giai đoạn. Quy trình tập trung phát huy tính chủ động của người học, tăng cường cơ hội sử dụng tiếng Trung trong các hoạt động tương tác và thực hành giao tiếp. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình lớp học đảo ngược có tiềm năng nâng cao hiệu quả đào tạo, góp phần phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ cho sinh viên sư phạm tiếng Trung.

Từ khóa: lớp học đảo ngược; năng lực giao tiếp ngoại ngữ; sinh viên sư phạm tiếng Trung; đào tạo giáo viên; chuyển đổi số giáo dục.

Abstract: This paper studies the application of the flipped classroom model in training Chinese language teacher-training students to develop foreign language communication skills. Based on an analysis of perspectives on foreign language communication skills and the characteristics of the flipped classroom model, the study identifies four components of foreign language communication skills: language, discourse, social context, and communication strategy. From this, the paper proposes four measures and a five-step process implemented in three stages. The process focuses on promoting learner initiative and increasing opportunities to use Chinese in interactive activities and communication practice. The research results show that the flipped classroom model has the potential to improve training effectiveness and contribute to the development of foreign language communication skills for Chinese language teacher-training students.

Keywords: flipped classroom; foreign language communication skills; Chinese language teacher-training students; teacher training; digital transformation in education.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số giáo dục, năng lực giao tiếp ngoại ngữ (NLGTNN) là một yêu cầu quan trọng đối với sinh viên (SV) nhằm đáp ứng hoạt động học tập, giảng dạy và giao lưu học thuật trong môi trường đa văn hóa. Sự phát triển của công nghệ số đã thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy vai trò chủ động của người học. Trong số các mô hình dạy học hiện đại, lớp học đảo ngược (LHĐN) được xem là một giải pháp có nhiều tiềm năng. Theo Bergmann và Sams (2012), mô hình này chuyển hoạt động tiếp nhận kiến thức ra ngoài lớp học thông qua học liệu số, trong khi thời gian trên lớp được dành cho các hoạt động tương tác và thực hành. Nghiên cứu của Bredow và cộng sự (2021) cho thấy LHĐN góp phần nâng cao kết quả học tập, động cơ học tập và khả năng tương tác của người học. Đối với đào tạo ngoại ngữ, mô hình này tạo điều kiện gia tăng cơ hội thực hành ngôn ngữ và phát triển năng lực giao

tiếp. Mặc dù đã được nghiên cứu khá rộng rãi trong dạy học ngoại ngữ, việc vận dụng LHĐN trong đào tạo SV sư phạm tiếng Trung theo hướng phát triển năng lực giao tiếp vẫn còn hạn chế. Do đó, cần nghiên cứu vận dụng mô hình này nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo và phát triển NLGTNN cho SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Năng lực giao tiếp ngoại ngữ

NLGTNN là mục tiêu cốt lõi của dạy học ngoại ngữ hiện đại. Khái niệm này được khởi nguồn từ nghiên cứu của Hymes (1972), theo đó năng lực ngôn ngữ không chỉ bao gồm tri thức ngữ pháp mà còn là khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh xã hội. Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR) tiếp tục phát triển quan niệm này theo hướng tích hợp năng lực ngôn ngữ, năng lực xã hội-ngôn ngữ và năng lực ngữ dụng, nhấn mạnh khả năng thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giao tiếp trong những bối cảnh thực tiễn (Council of Europe, 2020).

Tại Việt Nam, các nghiên cứu đều thống nhất năng lực giao tiếp là khả năng huy động kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ, hiểu biết văn hóa và chiến lược giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động giao tiếp trong những tình huống cụ thể (Nguyễn Văn Hiệp, 2018; Nguyễn Hòa, 2016).

Kế thừa các quan điểm trên, nghiên cứu quan niệm NLGTNN là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và chiến lược giao tiếp nhằm sử dụng ngoại ngữ chính xác, phù hợp và hiệu quả trong học tập, giao tiếp xã hội và hoạt động nghề nghiệp. Dựa trên mô hình của Canale và Swain (1980), CEFR (Council of Europe, 2020) và mục tiêu đào tạo SV sư phạm tiếng Trung, nghiên cứu xác định NLGTNN gồm bốn thành tố cơ bản như trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Cấu trúc của năng lực giao tiếp ngoại ngữ

Stt	Thành tố NL	Chỉ số hành vi
1	Ngôn ngữ	Sử dụng đúng từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và cấu trúc câu; hiểu và vận dụng các quy tắc ngôn ngữ trong giao tiếp.
2	Diễn ngôn	Liên kết và tổ chức nội dung giao tiếp logic; trình bày, mô tả, giải thích và lập luận rõ ràng trong các tình huống giao tiếp bằng ngoại ngữ
3	Bối cảnh xã hội	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng, bối cảnh và văn hóa giao tiếp; thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực văn hóa và xã hội của cộng đồng sử dụng ngoại ngữ
4	Chiến lược giao tiếp	Lựa chọn và vận dụng các chiến lược giao tiếp để duy trì tương tác, khắc phục khó khăn ngôn ngữ, xử lý tình huống và đạt được mục đích giao tiếp

2.2. Mô hình lớp học đảo ngược

2.2.1. Khái niệm

Mô hình LHDN là hình thức tổ chức trong đó hoạt động tiếp nhận kiến thức được chuyển ra ngoài lớp học thông qua các học liệu số như video bài giảng, tài liệu điện tử hoặc hệ thống học tập trực tuyến; thời gian trên lớp được sử dụng để tổ chức các hoạt động thảo luận, thực hành, giải quyết vấn đề và tương tác giữa người học với giảng viên (GV) (Bergmann & Sams, 2012). Theo Bishop và Verleger (2013), LHDN là sự kết hợp giữa học tập cá nhân dựa trên công nghệ trước giờ học và các hoạt động học tập tích cực trong lớp học. Mô hình này được xem là một biểu hiện của dạy học lấy người học làm trung tâm, góp phần phát triển tính chủ động và năng lực của người học.

2.2.2. Đặc điểm và vai trò

Đặc trưng cơ bản của LHDN là sự thay đổi vị trí và chức năng của các hoạt động dạy học. Người học chủ động nghiên cứu học liệu trước giờ học, trong khi thời gian trên lớp được dành cho việc vận dụng kiến thức, trao đổi, hợp tác và nhận phản hồi từ GV. Trong

mô hình này, GV giữ vai trò thiết kế, tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập thay vì chủ yếu truyền đạt kiến thức.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định hiệu quả của LHDN trong việc nâng cao kết quả học tập, tăng cường mức độ tham gia và phát triển năng lực tự học của người học. Đối với đào tạo ngoại ngữ, mô hình này tạo điều kiện tăng thời lượng thực hành ngôn ngữ, thúc đẩy tương tác giao tiếp và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống giao tiếp thực tiễn (Vitta & Al-Hoorie, 2023). Vì vậy, LHDN được xem là một giải pháp phù hợp để phát triển NLGTNN cho SV ngành ngoại ngữ.

2.2.3. Cách thức tổ chức

Các nghiên cứu về LHDN đều thống nhất quy trình tổ chức gồm ba giai đoạn cơ bản (Bergmann & Sams, 2012). Trước giờ học, GV cung cấp học liệu và giao nhiệm vụ học tập để SV tự nghiên cứu, chuẩn bị kiến thức nền tảng. Trong giờ học, SV tham gia các hoạt động học tập tích cực như thảo luận, thực hành giao tiếp, giải quyết tình huống, trình bày và phản biện dưới sự hướng dẫn của GV. Sau giờ học, SV tiếp tục củng cố kiến thức, hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự đánh giá và nhận phản hồi từ GV. Trong đào tạo ngoại ngữ, quy trình này giúp gia tăng cơ hội sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, tạo môi trường tương tác thường xuyên và góp phần phát triển NLGTNN cũng như năng lực nghề nghiệp cho SV.

2.3. Biện pháp và quy trình sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong đào tạo sinh viên sư phạm tiếng Trung theo hướng phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ

2.3.1. Các biện pháp sử dụng mô hình lớp học đảo ngược

Trên cơ sở đặc điểm của mô hình LHDN và yêu cầu phát triển NLGTNN cho SV sư phạm tiếng Trung, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp chủ yếu sau:

Biện pháp 1. Xây dựng hệ thống học liệu số định hướng phát triển năng lực giao tiếp. GV thiết kế các video bài giảng, tài liệu đọc, tình huống giao tiếp, câu hỏi định hướng và bài tập trực tuyến nhằm giúp SV chủ động tiếp cận kiến thức trước giờ học. Nội dung học liệu cần gắn với các chủ đề giao tiếp thực tiễn và các tình huống nghề nghiệp của giáo viên tiếng Trung.

Biện pháp 2. Tổ chức các nhiệm vụ học tập trước giờ học. SV được giao các nhiệm vụ như xem video, nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung thảo luận hoặc xây dựng sản phẩm học tập bằng tiếng Trung. Các nhiệm vụ này giúp hình thành kiến thức nền tảng và tạo tiền đề cho các hoạt động giao tiếp trên lớp.

Biện pháp 3. Tăng cường hoạt động tương tác và thực hành giao tiếp trên lớp. Thời gian trên lớp

được tập trung cho các hoạt động học tập tích cực như thảo luận nhóm, đóng vai, giải quyết tình huống, thuyết trình, phản biện và dạy học vì mô bằng tiếng Trung. Các hoạt động này tạo cơ hội cho SV vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào các tình huống giao tiếp thực tiễn.

Biện pháp 4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng năng lực. Việc đánh giá cần được thực hiện thường xuyên thông qua sản phẩm học tập, bài trình bày, mức độ tham gia tương tác, khả năng sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp và tự đánh giá của người học. Kết quả đánh giá không chỉ phản ánh mức độ đạt được về kiến thức mà còn thể hiện sự phát triển NLGTNN.

2.3.2. Quy trình sử dụng mô hình lớp học đảo ngược

Việc vận dụng mô hình LHDN trong đào tạo SV sư phạm tiếng Trung cần bảo đảm hai yêu cầu cơ bản: phát huy tính chủ động của người học và tạo điều kiện để SV thường xuyên sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp. Trên cơ sở cấu trúc NLGTNN và đặc trưng của mô hình LHDN, nghiên cứu đề xuất quy trình gồm năm bước, triển khai qua ba giai đoạn: trước lớp học, trong lớp học và sau lớp học. **Bước 1. Xây dựng học liệu số và giao nhiệm vụ học tập.** GV xác định mục tiêu năng lực giao tiếp, lựa chọn nội dung và thiết kế học liệu số như video bài giảng, tài liệu đọc, tình huống giao tiếp, câu hỏi định hướng và bài tập trực tuyến. Đồng thời, GV giao nhiệm vụ học tập thông qua các nền tảng số nhằm giúp SV tiếp cận kiến thức mới, chuẩn bị từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ và nội dung giao tiếp trước giờ học. **Bước 2. Tự học và chuẩn bị trước lớp.** SV nghiên cứu học liệu, hoàn thành nhiệm vụ, ghi nhận những vấn đề chưa hiểu

và chuẩn bị nội dung trao đổi. Quá trình này giúp hình thành kiến thức ngôn ngữ, phát triển năng lực tự học và sự chuẩn bị cho hoạt động giao tiếp. Trong các học phần tiếng Trung, SV có thể luyện nghe hội thoại, tìm hiểu chủ đề giao tiếp, chuẩn bị thuyết trình hoặc xây dựng kịch bản hội thoại nhóm. **Bước 3. Tổ chức hoạt động giao tiếp trên lớp.** Đây là giai đoạn trọng tâm của mô hình LHDN. Thời gian trên lớp được dành cho các hoạt động học tập tích cực. Thông qua tương tác, SV vận dụng kiến thức đã chuẩn bị để thực hành giao tiếp trong các bối cảnh thực tiễn. GV giữ vai trò hướng dẫn, hỗ trợ và điều phối, tạo môi trường giao tiếp khuyến khích sự tham gia của tất cả SV. Giai đoạn này góp phần phát triển năng lực diễn ngôn, năng lực xã hội-ngữ dụng và chiến lược giao tiếp. **Bước 4. Phản hồi, đánh giá và điều chỉnh.** Trong quá trình học tập, GV quan sát, nhận xét và phản hồi về khả năng sử dụng tiếng Trung của SV. Việc đánh giá được thực hiện thông qua bài trình bày, sản phẩm học tập, mức độ tham gia, đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá. Kết quả giúp SV nhận diện điểm mạnh, hạn chế để điều chỉnh cách học, đồng thời cung cấp cơ sở cho GV điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học. **Bước 5. Mở rộng và củng cố sau lớp học.** Sau giờ học, SV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ như hoàn thiện sản phẩm, xây dựng video giao tiếp, viết báo cáo hoặc triển khai dự án bằng tiếng Trung. Hoạt động này giúp củng cố kiến thức, tăng cường cơ hội sử dụng ngôn ngữ và phát triển năng lực tự học. Sự kết hợp giữa học tập trực tuyến và trực tiếp, giữa hoạt động cá nhân và hợp tác tạo môi trường thuận lợi để SV thường xuyên sử dụng tiếng Trung, qua đó phát triển toàn diện các thành tố của NLGTNN.

Ví dụ minh họa:

Bảng 2. Minh họa quy trình vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học chủ đề “我的一天” (Một ngày của tôi)

Hoạt động của GV	Hoạt động của SV	Nội dung	Thành tố
Giai đoạn: Trước lớp học			
Bước 1. Xây dựng học liệu số và giao nhiệm vụ			
- Thiết kế video bài giảng về chủ đề “Một ngày của tôi”. - Xây dựng bài tập trực tuyến trên LMS. - Giao nhiệm vụ học tập trước giờ học.	- Nhận nhiệm vụ học tập. - Truy cập hệ thống học tập để tải học liệu.	Từ vựng: 起, 上课, 吃饭, 做作业, 睡觉... Mẫu câu: 我每天... ; 先... 然后 ; 从...到...	Ngôn ngữ Chiến lược giao tiếp
Bước 2. Tự học và chuẩn bị trước lớp			
- Theo dõi tiến độ học tập của SV trên LMS. - Hỗ trợ giải đáp thắc mắc trực tuyến.	- Xem video bài giảng. - Hoàn thành bài kiểm tra ngắn. - Ghi âm đoạn giới thiệu lịch trình cá nhân bằng tiếng Trung. - Chuẩn bị sơ đồ “Một ngày của tôi”.	Phát âm, từ vựng, cấu trúc câu mô tả hoạt động thường ngày.	Ngôn ngữ Diễn ngôn
Giai đoạn: Trong lớp học			
Bước 3. Tổ chức hoạt động giao tiếp			
- Tổ chức các hoạt động học tập tích cực. - Quan sát và hỗ trợ SV giao tiếp. - Điều phối thảo luận và phản biện.	Tham gia các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Trung.	Vận dụng kiến thức vào tình huống giao tiếp thực tiễn.	Diễn ngôn Bối cảnh xã hội Chiến lược giao tiếp

Hoạt động 1: Phòng vấn theo cặp			
Giao nhiệm vụ phòng vấn về lịch trình sinh hoạt hằng ngày.	Hỏi – đáp theo cặp về thời gian và hoạt động trong ngày.	你几点起床？你什么时候上课？	Ngôn ngữ Bối cảnh xã hội
Hoạt động 2: Thảo luận nhóm			
Giao chủ đề thảo luận “Một ngày học tập hiệu quả của SV sư phạm tiếng Trung”.	Thảo luận và thống nhất nội dung trình bày.	Sử dụng cấu trúc biểu đạt trình tự thời gian và hoạt động.	Diễn ngôn Chiến lược giao tiếp
Hoạt động 3: Đóng vai			
Xây dựng tình huống thực hành nghề nghiệp.	Đóng vai SV thực tập và giáo viên hướng dẫn.	Giao tiếp trong môi trường trường học.	Bối cảnh xã hội; Chiến lược giao tiếp
Hoạt động 4: Thuyết trình và dạy học vi mô			
Yêu cầu SV trình bày và mô phỏng hoạt động giảng dạy.	Thuyết trình chủ đề “师范生的一天”; thực hiện dạy học vi mô bằng tiếng Trung.	Kỹ năng trình bày và diễn đạt trước tập thể.	Diễn ngôn Bối cảnh xã hội
Giai đoạn 3: Sau lớp học			
Bước 4. Phản hồi, đánh giá và điều chỉnh			
- Nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập. - Tổ chức tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.	- Tự đánh giá. - Đánh giá chéo giữa các nhóm. - Điều chỉnh cách học tập và giao tiếp.	Tổng hợp và củng cố kiến thức đã học.	Chiến lược giao tiếp Diễn ngôn
Bước 5. Mở rộng và củng cố			
- Giao nhiệm vụ vận dụng sau giờ học. - Theo dõi sản phẩm học tập trực tuyến.	- Thực hiện dự án “Vlog 我的大学生活的一天”. - Đăng sản phẩm lên LMS. - Tương tác và phản hồi sản phẩm của bạn học.	Vận dụng tiếng Trung trong môi trường giao tiếp mở rộng.	Ngôn ngữ Diễn ngôn Bối cảnh xã hội Chiến lược giao tiếp

3. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận của việc vận dụng mô hình LHDN trong đào tạo SV sư phạm tiếng Trung theo hướng phát triển NLGTNN. Trên cơ sở phân tích đặc điểm của NLGTNN và những ưu thế của mô hình LHDN, nghiên cứu đã xác định bốn thành tố cốt lõi của năng lực giao tiếp gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực diễn ngôn, năng lực bối cảnh xã hội và năng lực chiến lược giao tiếp. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất bốn biện pháp và quy trình gồm năm bước được triển khai qua ba giai đoạn trước lớp học, trong lớp học và sau lớp học nhằm tạo môi trường học tập tích cực, tăng cường cơ hội sử dụng tiếng Trung và phát huy tính chủ động của người học. Kết quả phân tích cho thấy mô hình LHDN có nhiều tiềm năng trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo SV sư phạm tiếng Trung. Việc chuyển hoạt động tiếp nhận kiến thức ra ngoài lớp học giúp tối ưu hóa thời gian trên lớp cho các hoạt động thực hành, tương tác và giải quyết tình huống giao tiếp thực tiễn. Thông qua quá trình tự học, hợp tác và phản hồi thường xuyên, SV có điều kiện phát triển toàn diện các thành tố của NLGTNN, đồng thời hình thành năng lực tự học và năng lực nghề nghiệp cần thiết đối với giáo viên ngoại ngữ trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. International Society for Technology in

Education.

[2]. Bishop, J. L., & Verleger, M. A. (2013). The flipped classroom: A survey of the research. In *Proceedings of the 120th ASEE Annual Conference & Exposition* (pp. 1–18). American Society for Engineering Education.

[3]. Canale, M. (1983). From communicative competence to communicative language pedagogy. In J. C. Richards & R. W. Schmidt (Eds.), *Language and communication* (pp. 2–27). Longman.

[4]. Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1–47. <https://doi.org/10.1093/applin/I.1.1>

[5]. Council of Europe. (2020). *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, teaching, assessment—Companion volume*. Council of Europe Publishing.

[6]. Hymes, D. H. (1972). On communicative competence. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), *Sociolinguistics: Selected readings* (pp. 269–293). Penguin Books.

[7]. Nguyễn Hòa. (2016). *Phương pháp dạy học ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8]. Nguyễn Văn Hiệp. (2018). Dạy học ngoại ngữ theo định hướng phát triển năng lực trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 14, 15–20.